

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MTV DUYÊN HẢI QUẢNG NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2015

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán

(Báo cáo Kiểm toán Số: 39/2016/BCKT-TC ngày 18 tháng 05 năm 2016)



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN KIỂM TOÁN QUẢNG NINH
(AASC QUẢNG NINH)**



Nội dung

	Trang
Báo cáo của ban giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101387 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp (Đăng ký lần đầu: Ngày 01 tháng 02 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 01 năm 2011).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 khách sạn Hữu Nghị, phường Hòa Lạc, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh

Vốn điều lệ: 15.453.054.000 VND (Mười lăm tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ngành, nghề kinh doanh:

Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (Trừ vận tải bằng xe buýt)

Bán buôn thực phẩm

Sản xuất các cấu kiện kim loại

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh

Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

Xây dựng nhà các loại

Phá dỡ

Chuẩn bị mặt bằng

Lắp đặt hệ thống điện

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí

Xây dựng công trình công ích.

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp

Kinh doanh du lịch và khách sạn

Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế

Kinh doanh vận chuyển khách du lịch

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 2, KS Hữu Nghị, P. Hoà Lạc, TP. Móng Cái, Quảng Ninh

Sản xuất kinh doanh nước khoáng, nước giải khát, nước sinh hoạt

Dịch vụ sửa chữa ô tô, xe máy

Sản xuất chế biến tiêu thụ nội địa và xuất khẩu than

Mua bán vật tư máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải các loại, sản phẩm từ cây công nghiệp, cây nông lâm nghiệp, hải sản

Dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu dùng, dịch vụ du lịch

Gia công nguyên liệu, sản phẩm theo đơn đặt hàng trong và ngoài nước

Kinh doanh bất động sản

Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Kinh doanh hàng miễn thuế

Khai thác nước khoáng thiên nhiên

Xây dựng đường, cầu, cảng

Kinh doanh và vận chuyển khách thủy và hàng hoá

Xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch

Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá

Dịch vụ chuyển khẩu, chuyển tải, tạm nhập tái xuất

Kinh doanh kho, cảng, giao nhận vận tải hàng hoá, bốc xếp hàng hoá bằng thủ công và cơ giới

Kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, bánh kẹo, thuốc lá nội

Kinh doanh nhà hàng

Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ nội địa và xuất khẩu

Vật lý trị liệu

Kinh doanh phân phối và thuốc bảo vệ thực vật (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Tên	Địa chỉ
Cửa hàng Thương mại Bắc Luân	Cửa khẩu Bắc Luân - TP. Móng Cái - Quảng Ninh
Khách sạn Hữu Nghị	Phường Hoà Lạc - TP. Móng Cái - Quảng Ninh
Trung tâm Thương mại và Du lịch	Phường Hoà Lạc - TP. Móng Cái - Quảng Ninh
Chi nhánh Duyên Hải Hạ Long	Dãy nhà N1 - Tỉnh uỷ Quảng Ninh

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 2, KS Hữu Nghị, P. Hòa Lạc, TP. Móng Cái, Quảng Ninh

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng thành viên bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thắng Chủ tịch
Ông Đặng Quốc Dũng Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thắng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán Quảng Ninh (QNAASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. QNAASC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán được áp dụng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Thắng



Sô: 39/2016/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh, được lập ngày 28/03/2016 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Chúng tôi không thu thập được các thư xác nhận liên quan đến số dư công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2015. Do đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét về tính đúng đắn của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Số dư công nợ phải trả nội bộ của công ty với số tiền là 2.912.549.149 VND chưa phản ánh đúng tình hình công nợ nội bộ thực tế tại 31/12/2015. Trên Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty cộng với các đơn vị thành viên (hạch toán phụ thuộc) số dư công nợ nội bộ phản ánh đúng sẽ là 0 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này được phát hành thay thế Báo cáo tài chính đã được kiểm toán số 23/2016/BCKT-TC đã phát hành ngày 28/03/2016.

Hạ Long, ngày 18 tháng 05 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
Kiểm toán Quảng Ninh
Giám đốc



Trần Thanh Phương
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0169/2013/145-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thu Hằng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0594/2013/145-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.054.830.157	196.734.635.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.197.756.489	3.024.221.451
1. Tiền	111	V.01	2.197.756.489	3.024.221.451
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.326.963.741	1.339.252.872
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.326.963.741	1.339.252.872
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.986.831.130	184.079.842.353
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.564.054.707	182.252.493.914
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		829.854.716	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.592.921.707	1.827.348.439
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		711.468.125	607.701.884
1. Hàng tồn kho	141	V.05	711.468.125	607.701.884
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		831.810.672	7.683.616.774
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	691.934.815	678.333.584
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		84.880.868	6.949.288.201
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	54.994.989	55.994.989
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.209.662.178	24.078.623.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.507.607.127	6.726.874.016
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.234.937.073	6.476.874.016
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
5. Phải thu dài hạn khác	216		272.670.054	250.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			-	-
II. Tài sản cố định	220		13.913.200.771	14.114.249.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.913.200.771	14.114.249.036
- Nguyên giá	222		26.713.183.667	25.684.598.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.799.982.896)	(11.570.348.990)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	873.456.870	2.349.529.788
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		873.456.870	2.349.529.788
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	701.270.500
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	701.270.500
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		915.397.410	186.700.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	903.714.057	175.016.831
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		11.683.353	11.683.353
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		28.264.492.335	220.813.258.858
<u>NGUỒN VỐN</u>				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.870.767.739	198.033.356.088
I. Nợ ngắn hạn	310		5.814.122.916	197.084.662.226
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.025.529.930	186.389.104.759
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	93.840.189	31.451.833
4. Phải trả người lao động	314		254.999.570	281.243.167
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15		
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.912.549.149	2.856.599.164
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	437.712.119	195.454.545
10. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	962.005.761	568.443.044
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	6.565.239.516
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		127.486.198	197.126.198
II. Nợ dài hạn	330		1.056.644.823	948.693.862
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	1.041.644.823	933.693.862
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17		
6. Phải trả dài hạn khác	337	V.16		
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	15.000.000	15.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

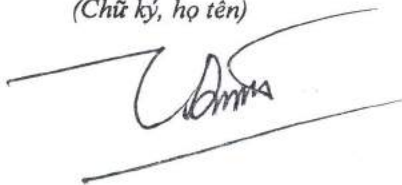
Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
10. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18		
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.393.724.596	22.779.902.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	21.393.724.596	22.779.902.770
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.889.698.852	20.421.950.988
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		925.056.074	925.056.074
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(995.658.601)	(964.278.204)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(964.278.204)	(964.278.204)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(31.380.397)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.574.628.271	2.397.173.912
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		28.264.492.335	220.813.258.858

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

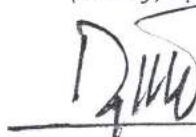
Người lập biểu

(Chữ ký, họ tên)



PT Kế toán

(Chữ ký, họ tên)



Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

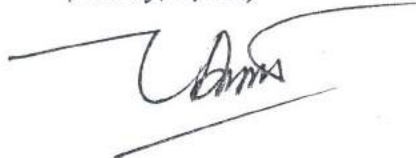
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	83.708.388.704	35.990.624.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	912.282.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.02	83.708.388.704	35.078.342.830
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	71.561.336.385	20.074.515.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		12.147.052.319	15.003.827.118
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	950.508.263	484.850.622
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	600.020.580	9.996.921
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.491.739
8. Chi phí bán hàng	24		1.097.285.815	3.834.316.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.250.104.814	13.173.051.040
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		150.149.373	(1.528.686.991)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	562.611.500	705.581.809
12. Chi phí khác	32	VI.07	150.878.966	141.170.022
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		411.732.534	564.411.787
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		561.881.907	(964.275.204)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		561.881.907	(964.275.204)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

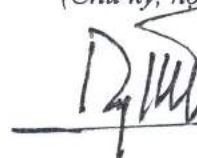
Người lập biểu

(Chữ ký, họ tên)



PT Kế toán

(Chữ ký, họ tên)



Giám đốc

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

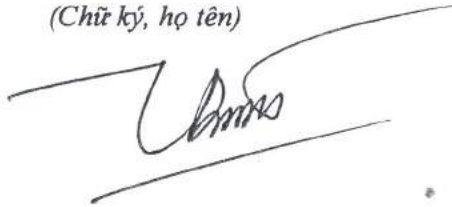
CHỈ TIÊU	Mã	T Minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		80.276.477.356	34.051.232.263
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(68.710.156.882)	(23.426.561.067)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(3.521.221.369)	(5.245.158.867)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-	(1.491.739)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-	(71.220.314)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		220.361.752.415	41.995.190.116
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(222.351.613.165)	(47.459.696.144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.055.238.355	(157.705.752)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.028.585.641)	(13.567.303)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			10.212.013
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		843.578.600	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(831.289.469)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		949.832.709	286.055.366
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.463.801)	1.282.700.076
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.530.861.900	17.716.877.901
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.096.101.416)	(18.671.877.901)

5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(250.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.815.239.516)	(955.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(826.464.962)	169.994.324
Tiền và tương đương đầu kỳ	60	3.024.221.451	2.854.227.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	2.197.756.489	3.024.221.451

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

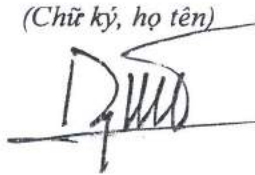
Người lập biểu

(Chữ ký, họ tên)



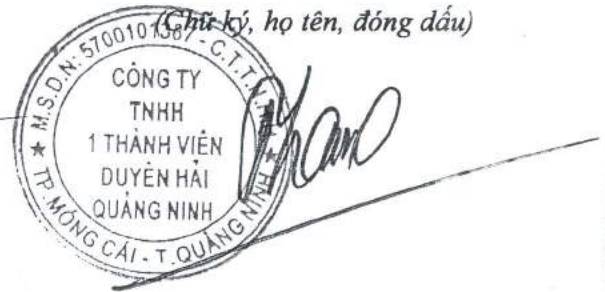
PT Kế toán

(Chữ ký, họ tên)



Giám đốc

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101387 do Sở kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp (Đăng ký lần đầu: Ngày 01 tháng 02 năm 2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 01 năm 2011).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh Thương mại, Dịch vụ, Du lịch, Khách sạn

3. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh buôn bán tổng hợp, kinh doanh Xuất - Nhập khẩu trực tiếp, kinh doanh Du lịch lữ hành trong nước và nội địa, Kinh doanh Nhà hàng, Khách sạn, kinh doanh phục vụ sản xuất tiêu dùng, kinh doanh hàng miễn thuế, kinh doanh rượu, bia, thuốc lá các loại, xây dựng công trình dân dụng, cầu đường, kho bãi, kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh hàng TNTX, chuyển khẩu, chuyển tải, vận tải hàng hóa, kinh doanh Kho bãi...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con;

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

+ Công ty liên doanh phát triển khu Cảng Dân Tiến

+ Cửa hàng miễn Thuế Móng Cái

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Khách sạn hữu Nghị

+ Cửa hàng Thương mại Bắc Luân

+ Trung tâm Thương mại và Du lịch

+ Chi nhánh Duyên hải Hạ Long

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/ kết thúc vào ngày 31/12)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt nam đồng (VNĐ)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Chế độ kê toán áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22-12-2014 của BTC

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính Đơn vị lập và trình bày phù hợp với các hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành

Hình thức kế toán đơn vị áp dụng: Nhật ký Chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam): áp dụng tỷ giá chuyển đổi tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Chế độ Kế toán

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền;

- Xác định lãi suất theo lãi suất tiền vay thực tế trả cho Ngân hàng hoặc các cá nhân khác
- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác nhau ra đồng tiền sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Tiền gửi Ngân hàng của đơn vị không có kỳ hạn, vàng, tiền tệ đơn vị không sử dụng như hàng tồn kho
- Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh: Ghi sổ theo giá gốc
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: theo dõi chi tiết từng khoản đầu tư, từng đối tượng, từng loại nguyên tệ, từng số lượng
- Các khoản cho vay: Ghi sổ theo giá gốc
- Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết: Theo giá gốc
- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Theo giá gốc
- Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

- Được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn, đối tượng phải thu
- Phân loại và theo dõi chi tiết các khoản phải thu

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không trích lập dự phòng

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động
- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, áp dụng khung thời gian sử dụng hữu ích của tài sản theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh: Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Căn cứ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại là chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Thuế suất theo quy định của nhà nước tại thời điểm hiện hành

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

- Được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí SXKD bao gồm những khoản chi phí đã thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ, nhiều niên độ kế toán. Phương pháp phân bổ đều theo thời gian hợp lý liên quan thường không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

- Được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn, đối tượng phải trả
- Phân loại và theo dõi chi tiết các khoản phải trả

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

- Giá trị khoản vay và nợ thuê tài chính được xác định theo giá gốc và được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng và từng kỳ hạn

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí SXKD trong kỳ phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán " Chi phí đi vay". Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được xác định theo công thức tính quy định trong Thông tư hướng dẫn kế toán chuẩn mực số " Chi phí đi vay"

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

- Là các khoản chi phí chưa chi như tiền lương phép, chi phí lãi tiền vay, và các khoản chi phí của kỳ báo cáo phải trích trước
- Khoản chi phí trả trước được xác định trên cơ sở lập dự toán chi phí với bằng chứng hợp lý, tin cậy và được cấp có thẩm quyền phê duyệt

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán " Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng"

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được xác định bằng tổng số tiền thu được về cho thuê TSCĐ, BĐS đầu tư (giá chưa có thuế) và từng kỳ tính và ghi nhận doanh thu tương ứng vào kết quả hoạt động SXKD.

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực tế
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản: Các khoản chênh lệch tăng, giảm khi đánh giá lại TSCĐ được ghi, tăng, giảm nguyên giá TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: Các khoản chênh lệch phản ánh là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty trừ đi thuế TNDN. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích nộp Ngân sách Đảng thì được chia cho các Quỹ theo quy định

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tuân thủ đầy đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán " Doanh thu và thu nhập khác". Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được

- Doanh thu hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi và chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái, lợi nhuận được chia của hoạt động liên doanh được ghi nhận vào doanh thu HĐTC trong kỳ

- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán " Hợp đồng xây dựng"

- Thu nhập khác: Ghi nhận các khoản thu nhập ngoài hoạt động SXKD theo quy định

20 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

lại. Các khoản giảm trừ doanh thu được thực hiện tuân thủ Chuẩn mực kế toán " Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm"

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

- Đảm bảo nguyên tắc giá vốn phù hợp với doanh thu

- Đảm bảo nguyên tắc thận trọng, ghi nhận ngay các chi phí vượt mức bình thường của hàng tồn kho

- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán gồm: hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại, hoàn nhập chi phí trích trước, Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được su khi hàng đã tiêu thụ, Các khoản thuế đã được tính vào giá trị hàng mua nhưng sau khi xuất bán các khoản thuế đó được hoàn

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay, (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá vào kết quả hoạt động SXKD trong kỳ báo cáo

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ vào kết quả hoạt động SXKD trong kỳ báo cáo

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại

25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền

	Cuối năm VNĐ	Đầu năm VNĐ
- Tiền mặt	1.041.513.848	381.104.571
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.156.242.641	2.643.116.880
Cộng	2.197.756.489	3.024.221.451
	-	-

2 Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đầu năm VNĐ	Đầu năm VNĐ
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.326.963.741	1.339.252.872
b2) Dài hạn		
Cộng	1.326.963.741	1.339.252.872
	-	-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Đầu tư vào công ty con	-	-	701.270.500	701.270.500
Cộng	-	-	701.270.500	701.270.500

3 Phải thu khác

	Cuối năm VNĐ	Đầu năm VNĐ
a) Ngắn hạn	3.592.921.707	1.827.348.439
- Phải thu về cổ phần hoá;		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;		
- Phải thu người lao động;		
- Ký cược, ký quỹ;	808.200.000	
- Cho mượn; tạm ứng	920.100.000	204.371.000
- Các khoản chi hộ		
- Phải thu khác.	1.864.621.707	1.622.977.439

b) Dài hạn	272.670.054	250.000.000
- Phải thu về cổ phần hoá;		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;		
- Phải thu người lao động;		
- Ký cược, ký quỹ;	272.670.054	250.000.000
- Cho mượn;		
- Các khoản chi hộ		
- Phải thu khác.		
Tổng cộng	3.865.591.761	2.077.348.439
4 Nợ xấu		
5 Hàng tồn kho:		
	Cuối năm VNĐ	Đầu năm VNĐ
- Hàng đang đi trên đường;	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu;	128.572.821	125.293.863
- Công cụ, dụng cụ;	50.084.855	17.292.150
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	-	-
- Thành phẩm;	-	-
- Hàng hóa;	532.810.449	465.115.871
- Hàng gửi bán;	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế.	-	-
Tổng cộng	711.468.125	607.701.884
6 Tài sản dở dang dài hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Mua sắm;	-	-
- XDCB;	873.456.870	2.349.529.788
- Sửa chữa.	-	-
Tổng cộng	873.456.870	2.349.529.788

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 2 khách sạn Hòa Nghị, P. Hòa Lạc, TP. Móng Cái, Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Nguyên giá	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc					Máy móc, thiết bị		Dụng cụ quản lý		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm		23.354.216.147		828.889.008				567.594.364				933.898.507		25.684.598.026
- Mua trong năm														
- Đầu tư XD/CB hoàn thành														
- Tăng khác														
Số dư cuối năm		24.176.761.788		828.889.008				567.594.364				1.139.938.507		26.713.183.667
Giá trị hao mòn lũy kế														
Số dư đầu năm		9.272.865.444		826.189.008				567.594.364				903.700.174		11.570.348.990
- Khấu hao trong năm		1.189.991.406		2.700.000				-				36.942.500		1.229.633.906
- Tăng khác														
Số dư cuối năm		10.462.856.850		828.889.008				567.594.364				940.642.674		12.799.982.896
Giá trị còn lại														
- Tại ngày đầu năm		14.081.350.703		2.700.000				-				30.198.333		14.114.249.036
- Tại ngày cuối năm		13.713.904.938		-				-				199.295.833		13.913.200.771

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 9.874.814.851

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.786.374.972

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 1.183.873.094

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình: không

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính: không

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: không

11 Chi phí trả trước

	Cuối năm VNĐ	Đầu năm VNĐ
a) Ngắn hạn	691.934.815	678.333.584
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;	-	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	-	-
- Chi phí đi vay;	-	-
- Các khoản khác	691.934.815	678.333.584
b) Dài hạn	903.714.057	175.016.831
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm;	-	-
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có thể).	903.714.057	175.016.831
Tổng cộng	1.595.648.872	853.350.415

12 Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đầu năm	
	Giá trị	Khả năng chi trả nợ			Giá trị	Khả năng chi trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	16.530.861.900	23.096.101.416	6.565.239.516	6.565.239.516
b) Vay dài hạn	15.000.000	15.000.000			15.000.000	15.000.000
Cộng	15.000.000	15.000.000	16.530.861.900	23.096.101.416	6.580.239.516	6.580.239.516

c) Các khoản nợ thuê tài chính

d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

đ) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

13 Trái phiếu phát hành

14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

<u>Loại thuế</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp (thu) trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp (thu) trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT (TK 3331)	0	14.479.950.442	14.417.562.086	62.388.356
- Thuế xuất, nhập khẩu (TK 3333)	0	514.795.224	514.795.224	-
- Thuế TNDN(TK 3334)	3.704.914	-	-	3.704.914
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (TK 3337)	0	307.132.872	307.132.872	-
- Phí , lệ phí và các khoản phải nộp khác (TK 3339)	27.746.919	-	-	27.746.919
Cộng	31.451.833	15.301.878.538	15.239.490.182	93.840.189

b) Phải thu

b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)

- Thuế TNCN (TK 3335)	1.278.123		1.000.000	278.123
- Thuế môn bài, thuế khác (TK 3338)	54.716.866	6.000.000	6.000.000	54.716.866
Cộng	55.994.989	6.000.000	7.000.000	54.994.989

15 Chi phí phải trả

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lãi vay	-	-
- Các khoản khác	1.041.644.823	933.693.862
Cộng	1.041.644.823	933.693.862

16 Phải trả khác

a) Ngắn hạn

	<u>Cuối năm VNĐ</u>	<u>Đầu năm VNĐ</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	36.211.973	36.211.973
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	925.793.788	532.231.071

b) Dài hạn

Cộng các khoản phải trả	962.005.761	568.443.044
--------------------------------	--------------------	--------------------

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- -

d) Lý do nợ quá hạn chưa thanh toán:

17 Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;	437.712.119	195.454.545
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
b) Dài hạn		
Tổng cộng doanh thu chưa thực hiện	437.712.119	195.454.545
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng		
d) Lý do không thực hiện được		

18 Dự phòng phải trả

19 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	-	-
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.683.353	11.683.353
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 2 khách sạn Hữu Nghị, P. Hòa Lạc, TP. Móng Cái, Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của CSH	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
			Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác		
Số dư đầu năm trước	16.962.442.034	3.251.035.544	925.056.074	671.260.382	2.397.173.912	24.206.967.946	
- Tăng vốn trong năm trước	10.035.978.399					10.035.978.399	
- Lãi trong năm trước							
- Tăng khác		12.878.412				12.878.412	
- Giảm vốn trong năm trước	9.827.504.989			671.260.382		10.498.765.371	
- Lỗ trong năm trước				964.278.204		964.278.204	
- Giảm khác		12.878.412				12.878.412	
Số dư đầu năm nay	17.170.915.444	3.251.035.544	925.056.074	(964.278.204)	2.397.173.912	22.779.902.770	
- Tăng vốn trong năm nay		822.545.641				822.545.641	
- Lãi trong năm nay				(31.380.397)		(31.380.397)	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm nay		1.354.797.777				822.545.641	
- Lỗ trong năm nay						2.177.343.418	
- Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	17.170.915.444	2.718.783.408	925.056.074	(995.658.601)	1.574.628.271	21.393.724.596	

Công ty TNHH MTV Duyên Hải Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 2 khách sạn Hữu Nghị, P. Hòa Lạc, TP. Móng Cái, Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)
- Vốn góp của các đối tượng khác
- Số lượng cổ phiếu quỹ:

Cộng:

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d. Cổ tức

đ- Cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

Cuối năm	Đầu năm
-	1.354.797.777
-	1.354.797.777
Năm nay	Năm trước
20.421.950.988	20.213.477.578
822.545.641	10.048.856.811
1.354.797.777	9.840.383.401
19.889.698.852	20.421.950.988

21 Nguồn kinh phí

22 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

23 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu bán hàng;

- Doanh thu cung cấp dịch vụ;

Cộng

Năm nay	Năm trước
71.241.090.854	27.030.866.288
12.467.297.850	8.959.758.542
83.708.388.704	35.990.624.830

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

Thuế xuất khẩu

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	912.282.000
-	912.282.000

3 Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
71.561.336.385	20.074.515.712
71.561.336.385	20.074.515.712

4 Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Lãi chênh lệch tỷ giá;

Cộng

Năm nay	Năm trước
68.071.079	198.795.256
881.761.630	286.055.366
675.554	-
950.508.263	484.850.622

5 Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay;

- Lỗ chênh lệch tỷ giá;

- Chi phí tài chính khác.

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	1.491.739
600.020.580	-
-	8.505.182
600.020.580	9.996.921

6 Thu nhập khác

- Các khoản khác.

Cộng

Năm nay	Năm trước
562.611.500	705.581.809
562.611.500	705.581.809

7 Chi phí khác

- Các khoản khác.

Cộng

Năm nay	Năm trước
150.878.966	141.170.022
150.878.966	141.170.022
-	-

8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

b) Các khoản chi phí bán hàng

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm nay	Năm trước
11.250.104.814	13.173.051.040
1.097.285.815	3.834.316.770

9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

VIII Những thông tin khác

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán Kiểm toán Quảng Ninh kiểm toán.

Lập, Ngày 28 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

[Signature]

PT Kế toán

(Ký, họ tên)

[Signature]

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

[Signature]



Bùi Thanh Chiến



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Ngày: 17 -06- 2016
 Số...3152... Quyển Số...02...

Nguyễn Văn Cường